

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 04 - 4 - 2025.

“V/v yêu cầu không công nhận là vợ chồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Ngọc Đài.

Bà Nguyễn Thị Chinh.

Thư ký phiên tòa: Ông Y Sim Êban - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đức Bùi - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2025/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2025 về việc: “Không công nhận là vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1986. (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Ông Đoàn Văn D, sinh năm 1981. (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10/02/2025, tại các biên bản làm việc cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Năm 2004 tôi và ông Đoàn Văn D sống chung với nhau như vợ chồng, nhưng chúng tôi không đến cơ quan có thẩm quyền để đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đến thời điểm hiện tại chúng tôi cũng chưa đăng ký kết hôn.

Trong quá trình chung sống với nhau chúng tôi thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không thể hòa hợp, những năm gần đây chúng tôi đã không còn chung sống với nhau. Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin tòa án giải quyết không công nhận tôi với ông Đoàn Văn D là vợ chồng.

Về con chung: Bà và ông Đoàn Văn D có 04 đứa con chung gồm: cháu Đoàn Thị Kim C, sinh năm 2005; cháu Đoàn Thị Kim P, sinh năm 2008; cháu Đoàn Thị Kim T, sinh năm 2010; cháu Đoàn Văn M, sinh năm 2017. Hiện nay cháu Đoàn Thị Kim C đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Các cháu Đoàn Thị Kim P, Đoàn Thị Kim T, Đoàn Văn M chưa trưởng thành nên bà có nguyện vọng được nuôi 03 cháu.

Về cấp dưỡng: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Đoàn Văn D tại các biên bản làm việc và tại phiên tòa trình bày:
Ông Đoàn Văn D thừa nhận lời trình bày của bà Nguyễn Thị H về quan hệ hôn nhân, tình trạng hôn nhân, con chung, cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung là đúng, đồng thời đề nghị Tòa án không công nhận ông và bà Nguyễn Thị H là vợ chồng.

Về con chung: Ông và bà Nguyễn Thị H có 04 đứa con chung gồm: cháu Đoàn Thị Kim C, sinh năm 2005; cháu Đoàn Thị Kim P, sinh năm 2008; cháu Đoàn Thị Kim T, sinh năm 2010; cháu Đoàn Văn M, sinh năm 2017. Hiện nay cháu Đoàn Thị Kim C đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Các cháu Đoàn Thị Kim P, Đoàn Thị Kim T, Đoàn Văn M ông đồng ý giao cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát sau khi phát biểu ý kiến đã khẳng định Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đầy đủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; người tham gia tố tụng dân sự chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Sau đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình, không công nhận bà Nguyễn Thị H và ông Đoàn Văn D là vợ chồng.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Đoàn Văn D có 4 con chung gồm: cháu Đoàn Thị Kim C, sinh năm 2005; cháu Đoàn Thị Kim P, sinh năm 2008; cháu Đoàn Thị Kim T, sinh năm 2010; cháu Đoàn Văn M, sinh năm 2017. Hiện nay cháu Đoàn Thị Kim C đã trưởng thành nên không đề cập để xem xét. Các cháu Đoàn Thị Kim P, Đoàn Thị Kim T, Đoàn Văn M thì Bà H và ông D đều thỏa thuận giao cho Bà H nuôi dưỡng, trong các bản tự khai của cháu P, cháu T, cháu M trong quá trình làm việc tại Tòa đều thể hiện nguyện vọng muốn ở với mẹ là bà H. Xét

thấy các thỏa thuận và nguyện vọng này là hợp pháp. Do đó đề nghị xem xét giao 03 cháu cho Bà H nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến tuổi trưởng thành (18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đề cập để xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vì bà Nguyễn Thị H và ông Đoàn Văn D không có đăng ký kết hôn, và yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng, do đó Tòa án không tiến hành hòa giải về hôn nhân mà tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ đã thu thập, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Nguyễn Thị H và ông Đoàn Văn D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung như vợ chồng được nữa nên bà H đã làm khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận bà và ông D là vợ chồng.

Như vậy, tranh chấp giữa bà H và ông D là “Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình” theo quy định tại khoản 8 Điều 28 BLTTDS, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông D sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2004 cho đến nay, không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND có thẩm quyền là vi phạm quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Nay bà H có yêu cầu chấm dứt quan hệ như vợ chồng với ông D.

Xét tình cảm giữa bà H và ông D không còn và hai người cũng không đăng ký kết hôn theo quy định của Pháp luật. Vì vậy HĐXX xét thấy cần áp dụng khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình để tuyên bố không công nhận Bà H và ông D là vợ chồng.

[4] Về con chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Đoàn Văn D có 4 con chung gồm: cháu Đoàn Thị Kim C, sinh năm 2005; cháu Đoàn Thị Kim P, sinh năm 2008; cháu Đoàn Thị Kim T, sinh năm 2010; cháu Đoàn Văn M, sinh năm 2017. Xét thấy hiện nay cháu Đoàn Thị Kim C đã trưởng thành nên không đặt ra để xem xét. Các cháu Đoàn Thị Kim P, Đoàn Thị Kim T, Đoàn Văn M thì Bà H và ông D đều thỏa thuận giao cho Bà H nuôi dưỡng, tại các bản tự khai của cháu P, cháu T, cháu M trong quá trình làm việc tại Tòa đều thể hiện nguyện vọng muốn ở với mẹ là bà H. Xét thấy các thỏa thuận và nguyện vọng này là hợp pháp. Do đó cần xem xét giao 03 cháu cho Bà H nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến tuổi trưởng thành (18 tuổi).

[5] Về cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Đoàn Văn D không yêu cầu tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 8 Điều 28, Điều 147 và Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14, khoản 2 Điều 53, khoản 2 Điều 81, khoản 1, khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu không công nhận là vợ chồng của bà Nguyễn Thị H. Tuyên bố bà Nguyễn Thị H và ông Đoàn Văn D không phải là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Đoàn Thị Kim P, sinh năm 2008; cháu Đoàn Thị Kim T, sinh năm 2010; cháu Đoàn Văn M, sinh năm 2017 cho bà Nguyễn Thị H nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Ông Đoàn Văn D có quyền đi lại thăm nom con chung. Không ai có quyền cản trở việc đi lại thăm nom con chung.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ trong số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số AA/2023/0012020 ngày 24/02/2025.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- Chi cục THADS huyện Krông Năng;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Vp.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ XƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Phạm Minh Thuận